

BÀI 6: LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ LUẬT HÌNH SỰ



Nội dung

Giới thiệu một số chế định cơ bản của ngành luật Luật Hành chính và Luật Hình sự, bao gồm:

- Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính
- Tội phạm và hình phạt

Mục tiêu

- Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản nhất về vi phạm hành chính, vi phạm hình sự cũng như các hình thức trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.

Thời lượng học

- 5 tiết học

Hướng dẫn học

Để học tốt bài này, học viên cần:

- Tham dự đầy đủ các buổi học theo lịch trình.
- Tích cực thảo luận trong quá trình học tập.
- Đọc các tài liệu sau:
 - Giáo trình pháp luật đại cương của TOPICA
 - Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001)
 - Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007)
 - Bộ luật Hình sự năm 1999.

Khởi động

Trước khi học bài này, chúng ta cùng xem xét một tình huống thực tế do chị Nguyễn Thị Nga ở Phường Chánh Nghĩa, thị xã Thủ Dầu Một đề nghị được Báo Bình Dương tư vấn như sau: *“Do đi vội, nên xe gắn máy của anh B. va vào xe con tôi và cả hai cùng ngã. Không xin lỗi mà anh B. còn có thái độ hung hổ. Hai bên cự cãi và anh B. đánh vào mặt con tôi. Con tôi chạy để tránh, nhưng anh B. đuổi theo đánh tiếp.*

Để tự vệ, con tôi chạy vào quán nước bên đường, thấy được con dao nên đã cầm và đâm vào bụng anh B. Tỷ lệ thương tật của anh B. là 40% và hiện con tôi đã bị tạm giam. Xin cho biết con tôi phải chịu mức hình phạt gì?

Bằng hiểu biết pháp luật và bằng kiến thức thực tế, bạn sẽ trả lời chị Nga như thế nào?

Sau khi có ý kiến của riêng mình, hãy đối chiếu quan điểm của bạn với quan điểm tư vấn của luật sư ở phần câu hỏi thường gặp.

Bài học này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn lời tư vấn của luật sư.

6.1. Luật Hành chính

6.1.1. Khái niệm Luật Hành chính

Theo lý thuyết về phân định ngành luật thì đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh là những tiêu chí để xác định sự tồn tại của một ngành luật độc lập.

6.1.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính

Luật Hành chính điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước. Hoạt động quản lý hành chính nhà nước được thể hiện bởi các mối quan hệ như sau:

- **Quan hệ quản lý hành chính nhà nước do các cơ quan hành chính nhà nước** thực hiện đối với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Hoạt động quản lý hành chính nhà nước chủ yếu được tiến hành bởi các cơ quan hành chính nhà nước như Chính phủ, Ủy ban nhân dân, các Bộ, Sở, Phòng, Ban... Đó là những hoạt động phát sinh trong quan hệ giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế hoặc với công dân, người nước ngoài, người không quốc tịch... và những quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau như quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cơ quan có thẩm quyền chung và cơ quan có thẩm quyền chuyên môn, giữa các cơ quan có thẩm quyền chuyên môn với nhau...
- **Quan hệ quản lý hành chính nhà nước do các cá nhân và tổ chức** được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong một số trường hợp nhất định. Bên cạnh chủ thể chủ yếu thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước, trong một số trường hợp nhất định các cá nhân, tổ chức khác cũng được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động này, chẳng hạn như thẩm phán khi xét xử có thể áp dụng biện pháp xử phạt hành chính đối với người có hành vi gây mất trật tự tại phiên tòa, mặc dù đã được nhắc nhở nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi đó. Thẩm phán làm việc trong cơ quan xét xử, không phải cơ quan quản lý hành chính nhà nước nhưng trong trường hợp này nhà nước trao cho thẩm phán quyền xử phạt hành chính nhằm đảm bảo cho việc thực hiện hoạt động xét xử. Khi đó quan hệ giữa thẩm phán (nhân danh nhà nước) và người bị xử phạt cũng thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Hành chính.
- **Quan hệ quản lý hình thành trong quá trình cơ quan nhà nước xây dựng và củng cố chế độ công tác nội bộ.** Đây là quan hệ phát sinh trong việc củng cố tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và giám sát trong nội bộ các cơ quan nhà nước chứ không chỉ đối với cơ quan hành chính. Mối quan hệ này được biểu hiện thông qua các hoạt động như tuyển dụng cán bộ, công chức, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên đối với cấp dưới, các hoạt động đảm bảo kỷ luật nhà nước...



Hình minh họa

Như vậy, Luật Hành chính là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình cơ quan nhà nước xây dựng và ổn định chế độ công tác nội bộ của mình, các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện hoạt động quản lý hành chính đối với các vấn đề cụ thể do pháp luật quy định.

6.1.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính

Hoạt động quản lý hành chính nhà nước luôn có một bên chủ thể là nhà nước, do đó đây là hoạt động mang tính chấp hành và điều hành. Chính vì vậy, phương pháp điều chỉnh cơ bản nhất của Luật Hành chính là phương pháp mệnh lệnh quyền uy, theo đó trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, bên nhân danh nhà nước được quyền đơn phương ra quyết định hành chính và một bên phải phục tùng quyết định ấy. Hơn nữa, bên nhân danh nhà nước có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhằm buộc đối tượng quản lý phải thực hiện mệnh lệnh của mình. Luật Hành chính sử dụng phương pháp điều chỉnh này là do đặc thù của quan hệ xã hội mà nó điều chỉnh – đó là quan hệ giữa một bên là nhà nước và một bên là các tổ chức, cá nhân ở vị thế bất bình đẳng, không thể thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ đối với nhau.



Hình minh họa

6.1.2. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính

6.1.2.1. Vi phạm hành chính

- **Định nghĩa vi phạm hành chính**

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý, vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật bị xử phạt hành chính.

- **Cấu thành vi phạm hành chính**

Vi phạm hành chính là một dạng vi phạm pháp luật vì thế để khẳng định một hành vi có phải là vi phạm hành chính hay không thì phải xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành, bao gồm mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của vi phạm pháp luật.



Hình minh họa

- **Mặt khách quan của vi phạm hành chính**

Yếu tố này đòi hỏi trước hết phải xác định có hay không hành vi trái pháp luật, vi phạm quy định về quản lý nhà nước. Ngoài ra trong một số trường hợp nhất định, pháp luật còn đòi hỏi phải xem xét thiệt hại thực tế và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và những thiệt hại đó. Khi xác định hành vi vi phạm hành chính thì điều quan trọng là phải phân biệt được nó với hành vi bị coi là tội phạm. Sự khác nhau cơ bản giữa hai hành vi này là ở tính nguy hiểm

cho xã hội của hành vi, theo đó vi phạm hành chính có mức độ nguy hiểm thấp hơn so với tội phạm. Pháp luật hiện hành dựa vào một số tiêu chí sau để đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, cụ thể là:

- *Mức độ tái phạm hoặc số lần vi phạm.* Theo tiêu chí này, một hành vi có thể là vi phạm hành chính nhưng nếu được thực hiện nhiều lần hoặc tái phạm thì bị coi là vi phạm hình sự. Chẳng hạn như Điều 161 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định “*Người nào trốn thuế với số tiền từ 50 triệu đồng đến dưới 150 triệu đồng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế, hoặc đã bị kết án về tội này ... chưa bị xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm*”. Như vậy, một người chỉ bị truy cứu trách nhiệm pháp lý về tội trốn thuế nếu trước đó đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi này, hoặc đã bị kết án về tội này.
- *Mức độ thiệt hại thực tế.* Theo tiêu chí này, pháp luật quy định cụ thể hành vi trái pháp luật phải gây thiệt hại đến mức độ bao nhiêu thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự, ngoài ra chỉ bị truy cứu trách nhiệm hành chính. Chẳng hạn như khoản 1 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “*Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:*

Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người

Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân.

Phạm tội nhiều lần đối với cùng một người hoặc đối với nhiều người.

Đối với trẻ em, phụ nữ đang có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ.

Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình.

Có tổ chức.

Trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục.

Thuê gây thương tích hoặc gây thương tích thuê.

Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm.

Để cản trở người thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân”

Theo quy định này thì hành vi cố ý gây thương tích chỉ bị coi là tội phạm nếu gây ra thiệt hại về sức khỏe cho người khác ít nhất từ 11% trở lên. Nếu thiệt hại chưa đến mức này thì bị coi là vi phạm hành chính.

- *Công cụ, phương tiện, thủ đoạn sử dụng để thực hiện hành vi.* Theo tiêu chí này, pháp luật xác định mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi dựa trên việc đánh giá mức độ nguy hiểm của các công cụ, phương tiện mà chủ thể đã sử dụng nhằm đạt được mục đích của mình. Chẳng hạn đối với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác như đã nói ở trên thì ngay cả khi sức khỏe nạn nhân bị tổn hại dưới 11% nhưng nếu chủ thể thực hiện hành vi này “*sử dụng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người*” thì vẫn bị coi là tội phạm.

Hành vi vi phạm hành chính rất đa dạng, trải rộng trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội như kinh tế, văn hóa, trật tự công cộng... Việc xác định hành vi vi phạm phải căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành.

o Mặt chủ quan của vi phạm hành chính:

Yếu tố quan trọng nhất trong mặt chủ quan của hành vi vi phạm là dấu hiệu lỗi. Lỗi trong vi phạm hành chính có thể là cố ý hoặc vô ý, tức là chủ thể nhận thức được hành vi của mình sẽ gây ra hậu quả cho xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi đó với thái độ có thể là mong muốn hậu quả xảy ra, cũng có thể là để mặc cho hậu quả xảy ra hoặc cho rằng hậu quả sẽ không xảy ra. Bên cạnh đó, chủ thể



Hình minh họa

thực hiện hành vi không thấy trước được hậu quả nguy hiểm cho xã hội mặc dù phải biết hoặc có thể biết trước điều này thì chủ thể đó vẫn bị coi là có lỗi. Hành vi trái pháp luật thực hiện trong các hoàn cảnh như tình thế cấp thiết hoặc có sự kiện bất khả kháng như bão lũ, thiên tai... thì không bị coi là vi phạm pháp luật bởi chủ thể thực hiện hành vi đó không có lỗi.

Bên cạnh dấu hiệu lỗi, trong nhiều trường hợp cấu thành vi phạm pháp luật hành chính đòi hỏi phải xác định thêm yếu tố mục đích, động cơ thực hiện hành vi vi phạm. Dấu hiệu này không xuất hiện trong mọi trường hợp tuy nhiên nếu pháp luật có yêu cầu thì bắt buộc phải được thỏa mãn khi khẳng định hành vi là vi phạm pháp luật hành chính.

o Chủ thể của vi phạm hành chính:

Chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hành chính là những tổ chức, cá nhân có năng lực chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật.

Như vậy, tổ chức cũng có thể là chủ thể của vi phạm hành chính. Chẳng hạn như doanh nghiệp đổ nước thải công nghiệp chưa qua xử lý vào sông, suối... bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tổ chức là chủ thể của vi phạm hành chính rất đa dạng, có thể là cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân...



Hình minh họa

Đối với cá nhân, năng lực chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành được xác định dựa trên hai yếu tố là độ tuổi và khả năng nhận thức. Về độ tuổi, năng lực chịu trách nhiệm hành chính của cá nhân được xác định như sau:

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hành chính trong trường hợp thực hiện hành vi vi phạm hành chính với lỗi cố ý.

Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi vi phạm của mình.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài cũng là chủ thể của vi phạm hành chính nếu thỏa mãn các điều kiện nói trên trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

o Khách thể của vi phạm hành chính

Dấu hiệu này đòi hỏi phải xác định những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ nhưng bị xâm hại. Nếu một hành vi tác động đến một quan hệ xã hội nhưng quan hệ đó không phải là đối tượng được pháp luật bảo vệ thì không bị coi là vi phạm pháp luật. Đối với vi phạm hành chính, khách thể bị xâm hại là trật tự quản lý hành chính nhà nước, được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Vì hoạt động quản lý hành chính nhà nước diễn ra trên nhiều lĩnh vực nên quan hệ pháp luật hành chính rất đa dạng và thường xuyên thay đổi. Chính vì vậy, các quan hệ này thường được điều chỉnh bằng các văn bản dưới luật như Nghị định, Thông tư, Quyết định... Tuy nhiên, dù các quan hệ pháp luật này tồn tại ở nhiều văn bản khác nhau thì vẫn là yếu tố bắt buộc phải được xác định khi xem xét các dấu hiệu cấu thành vi phạm pháp luật hành chính.

6.1.2.2. Trách nhiệm hành chính

• **Định nghĩa trách nhiệm hành chính**

Trách nhiệm hành chính là những hậu quả pháp lý bất lợi mà nhà nước buộc các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính phải gánh chịu.

• **Đặc điểm của trách nhiệm hành chính**

- o **Thứ nhất**, trách nhiệm hành chính chỉ áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật hành chính, tức là chỉ phát sinh sau khi có hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên thực tế. Vì vậy, trong nhiều trường hợp nhà nước áp dụng các biện pháp cưỡng chế hành chính nhưng các biện pháp này chỉ mang tính chất phòng ngừa hoặc ngăn chặn, tức là được thực hiện trước khi có hành vi vi phạm hành chính xảy ra thì không được coi là trách nhiệm hành chính. Trong thực tế có các biện pháp phòng ngừa như Chính phủ quyết định đóng cửa biên giới trong một thời gian nhằm bảo đảm an ninh, chống buôn lậu, ngăn chặn dịch bệnh, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe hoặc buộc những người làm các công việc trong các lĩnh vực dịch vụ ăn uống, trông giữ trẻ phải kiểm tra sức khỏe định kỳ... Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, có những biện pháp ngăn chặn vi phạm pháp luật hành chính như khám người, tạm giữ người, khám nơi cất giấu tang vật... Đây là những biện pháp cưỡng chế mang tính phòng ngừa, ngăn chặn nhưng không phải là trách nhiệm pháp lý bởi được áp dụng khi chưa có hành vi vi phạm hành chính xảy ra.
- o **Thứ hai**, trách nhiệm hành chính là trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trước nhà nước. Vi phạm hành chính là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định về trật tự quản lý do pháp luật quy định do vậy truy cứu trách nhiệm hành chính là việc buộc các chủ thể vi phạm phải gánh chịu những hậu quả bất lợi trước nhà nước. Chẳng



Hình minh họa

hạn như một người có hành vi đánh người gây thương tích nhưng chưa đến mức xử lý hình sự mà chỉ bị xử phạt hành chính thì người này một mặt có thể bị xử phạt hành chính về hành vi “đánh nhau” theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 150/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/12/2005 về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, đồng thời có thể phải bồi thường cho người bị hại. Trong trường hợp này, phạt tiền là hình thức trách nhiệm pháp lý mà người đó đã phải gánh chịu trước nhà nước do có hành vi gây mất trật tự công cộng còn việc bồi thường cho người bị hại thể hiện trách nhiệm dân sự giữa bên vi phạm và bên bị hại, nhà nước chỉ là người bảo đảm cho trách nhiệm dân sự giữa các bên được thi hành.

• **Truy cứu trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính**

Truy cứu trách nhiệm hành chính là việc áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính đối với người có hành vi vi phạm hành chính.

Cưỡng chế hành chính là việc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền quyền định áp dụng các biện pháp cưỡng chế để xử phạt các chủ thể có hành vi vi phạm hành chính hoặc để ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm hành chính vì lý do an ninh, quốc phòng hoặc vì lợi ích quốc gia.

Như vậy, truy cứu trách nhiệm hành chính là một dạng của cưỡng chế hành chính.

Xử phạt vi phạm hành chính:

- Nguyên tắc xử phạt hành chính : Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2007) việc xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo các nguyên tắc sau:



Hình minh họa

- *Việc xử phạt vi phạm hành chính* do người có thẩm quyền tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.
- *Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt* khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định.
- *Mọi vi phạm hành chính* phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử lý phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng pháp luật.
- *Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần*. Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.
- *Việc xử phạt vi phạm hành chính* phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.
- *Không xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp* thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc các bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.
- Các chủ thể có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính:
Hiện nay pháp luật quy định những chủ thể sau có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính: Ủy ban nhân dân các cấp, Cơ quan công an nhân dân, Bộ đội biên

phòng, Cơ quan cảnh sát biển, Cơ quan hải quan, Cơ quan kiểm lâm, Cơ quan thuế, Cơ quan quản lý thị trường, Cơ quan thanh tra chuyên ngành, Giám đốc cảng vụ hàng hải, cảng vụ thủy nội địa, cảng vụ hàng không, Tòa án nhân dân và Cơ quan thi hành án dân sự.

Trên cơ sở những nguyên tắc đã được pháp luật quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng các hình thức xử phạt đối với chủ thể vi phạm hành chính. *Có hai hình thức xử phạt là hình thức xử phạt chính và hình thức xử phạt bổ sung.* Đối với mỗi vi phạm hành chính, chủ thể có hành vi vi phạm chỉ phải chịu một hình thức xử phạt chính nhưng có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung. Hơn nữa, hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính, tức là chủ thể vi phạm hành chính nhất thiết phải bị áp dụng hình thức xử phạt chính và tùy từng trường hợp mà có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung hoặc không bị áp dụng.

o Các hình thức xử phạt chính bao gồm cảnh cáo, phạt tiền và trục xuất:

- *Cảnh cáo* là hình thức xử phạt chính nhưng chỉ áp dụng trong các trường hợp sau:
- Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có hành vi vi phạm hành chính.
- *Đối với người từ đủ 16 tuổi trở lên* và với các tổ chức có hành vi vi phạm với điều kiện đó là hành vi vi phạm lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định của pháp luật có thể áp dụng hình thức cảnh cáo.



Hình minh họa

- Cảnh cáo là hình thức xử phạt mang tính giáo dục nhưng không đơn thuần chỉ là nhắc nhở nên quyết định xử phạt vẫn phải được thể hiện bằng văn bản.
- *Phạt tiền* là hình thức xử phạt chính nhưng không áp dụng đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có hành vi vi phạm hành chính. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị áp dụng hình thức xử phạt này nhưng mức phạt không quá 2/3 mức phạt áp dụng đối với người đã thành niên. Nếu những người này không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp phạt thay.
- Theo quy định của pháp luật hiện hành, mức phạt tiền đối với vi phạm hành chính tối thiểu là năm nghìn đồng và tối đa là năm trăm triệu đồng. Các văn bản quy phạm pháp luật có quy định cụ thể về mức tiền phạt đối với từng hành vi vi phạm. Việc áp dụng mức tiền phạt được tiến hành theo cách lấy mức trung bình của khung tiền phạt đã được pháp luật quy định. Nếu có tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng thì giảm hoặc tăng mức phạt nhưng phải đảm bảo giới hạn tối thiểu và tối đa của khung tiền phạt.
- *Trục xuất* vừa là hình thức xử phạt chính vừa là hình thức xử phạt bổ sung. Nếu là hình thức xử phạt chính thì khi xử phạt trục xuất có thể đồng thời áp dụng các biện pháp xử phạt bổ sung. Trong trường hợp trục xuất được áp dụng cùng với hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền thì nó được coi là hình thức xử phạt bổ sung. Chủ thể bị xử phạt trục xuất thì buộc phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Các hình thức xử phạt bổ sung bao gồm tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.
 - *Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề* là hình thức xử phạt bổ sung theo đó buộc các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong một khoảng thời gian nhất định hoặc không thời hạn. Hình thức xử phạt này được áp dụng khi có các điều kiện sau:
 - Có quy định của pháp luật về việc áp dụng hình thức này.
 - Có hành vi vi phạm trực tiếp quy tắc sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề.
 - Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính là hình thức xử phạt bổ sung theo đó chủ thể có thẩm quyền xử phạt áp dụng các biện pháp tịch thu, xung quỹ nhà nước các tài sản, vật dụng, hàng hóa, tiền bạc... đã sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính hoặc có được từ hành vi đó.
 - Cưỡng chế hành chính
 - Trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp buộc chủ thể vi phạm phải khắc phục hậu quả đã gây ra hoặc các biện pháp nhằm ngăn chặn và bảo đảm cho việc xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính khác.
- Các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra bao gồm:
 - Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.
 - Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra.
 - Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện.
 - Buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và văn hóa phẩm độc hại.
- Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:
 - Tạm giữ người.
 - Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.
 - Khám người.
 - Khám phương tiện vận tải, đồ vật.
 - Khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm.
 - Bảo lãnh hành chính.
 - Quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất.
 - Truy tìm đối tượng phải chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh trong trường hợp bỏ trốn.



Hình minh họa

Cần lưu ý rằng việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính là một hình thức cưỡng chế nhưng không phải là truy cứu trách nhiệm hành chính bởi biện pháp này được diễn ra trước khi có kết luận về việc chủ thể có hành vi vi phạm hành chính hay không. Mục đích của biện pháp này không phải là xử phạt, buộc một tổ chức, cá nhân nào đó phải gánh chịu hậu quả mà chỉ là cưỡng chế mang tính ngăn chặn và bảo đảm cho việc xử phạt (nếu có).

o Các biện pháp xử lý hành chính khác

Các biện pháp xử lý hành chính khác được áp dụng đối với công dân Việt Nam vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự. Biện pháp này thường được áp dụng với các đối tượng có hành vi như cờ bạc, mại dâm, ma túy, gây rối trật tự công cộng với mục đích nhằm giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa họ tái phạm. Điều cần lưu ý là chỉ có một loại chủ thể duy nhất có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác, đó là cá nhân công dân Việt Nam. Người nước ngoài hoặc các tổ chức không bị áp dụng biện pháp này. Cá nhân công dân Việt Nam bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác chủ yếu là những đối tượng thường xuyên vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đã nhiều lần bị xử phạt hành chính nhưng vẫn tái phạm. Chính vì đặc điểm này nên trong một số trường hợp nhất định hành vi của họ chưa đủ yếu tố cấu thành vi phạm hành chính nhưng vẫn có thể bị áp dụng các biện pháp xử lý khác. Người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác là chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp. Theo quy định của pháp luật, các biện pháp xử lý hành chính khác bao gồm: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở chữa bệnh và đưa vào cơ sở giáo dục.

o Giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Biện pháp này do chủ tịch ủy ban nhân dân xã áp dụng với thời hạn từ 3 đến 6 tháng cho các đối tượng sau đây:

- *Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi* thực hiện hành vi có dấu hiệu của tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật Hình sự.
- *Người từ đủ 12 tuổi trở lên* nhiều lần có hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng.
- *Người từ đủ 18 tuổi trở lên* nghiện ma túy hoặc người từ đủ 14 tuổi trở lên có hành vi bán dâm thường xuyên và có nơi cư trú nhất định.
- *Người trên 55 tuổi (với nữ) và trên 60 tuổi (với nam)* thường xuyên có hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức, tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

o Đưa vào trường giáo dưỡng. Biện pháp này do chủ tịch ủy ban nhân dân huyện áp dụng với thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm cho các đối tượng *chưa thành niên* thuộc các trường hợp sau đây:

- *Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi* thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự.
- *Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi* thực hiện hành vi có dấu hiệu của tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng quy định tại Bộ luật Hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.

- *Người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi* nhiều lần có hành vi trộm cắp vặt, lừa đảo nhỏ, đánh bạc nhỏ, gây rối trật tự công cộng mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.
- Đưa vào cơ sở chữa bệnh. Biện pháp này do chủ tịch ủy ban nhân huyện áp dụng với thời hạn từ 1 năm đến 2 năm cho đối tượng từ đủ 18 tuổi trở lên nghiện ma túy trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định và cho đối tượng từ đủ 16 tuổi trở lên có hành vi bán dâm thường xuyên, trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định. Đối với người bán dâm dưới 16 tuổi hoặc trên 55 tuổi thì không áp dụng biện pháp này.
- Đưa vào cơ sở giáo dục. Biện pháp này do chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng với thời hạn từ 6 tháng đến 2 năm cho các đối tượng *thành niên dưới 55 tuổi (với nữ) và dưới 60 tuổi (với nam)* thường xuyên có hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức, tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm người khác nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú nhất định.

6.2. Luật Hình sự

6.2.1. Khái niệm Luật Hình sự

Luật Hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam quy định về tội phạm và hình phạt. Luật Hình sự có đối tượng điều chỉnh riêng và sử dụng phương pháp điều chỉnh đặc thù để tác động lên những quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của nó.

6.2.1.1. Đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự

Luật Hình sự điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội khi người này thực hiện một tội phạm. Như vậy, nhà nước luôn là một bên chủ thể trong quan hệ pháp luật hình sự. Ngay cả khi có hành vi phạm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác thì quan hệ pháp luật hình sự phát sinh vẫn là quan hệ giữa nhà nước và người có hành vi phạm tội chứ không phải quan hệ phát sinh giữa người thực hiện hành vi phạm tội với người bị hại. Sở dĩ nhà nước luôn là một bên trong quan hệ pháp luật hình sự bởi vì hành vi phạm tội có mức độ nguy hiểm cao, xâm phạm các điều kiện tồn tại và phát triển của nhà nước, của chế độ và lợi ích của nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Vì thế, tội phạm là người có hành vi phạm tội đối với nhà nước chứ không phải đối với người bị hại. Đại diện cho nhà nước trong quan hệ pháp luật hình sự là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án.



Hình minh họa

Từ đối tượng điều chỉnh như trên cho thấy *Luật Hình sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm hệ thống những quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào là tội phạm và quy định hình phạt đối với những tội phạm ấy.*

6.2.1.2. Phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

Quan hệ pháp luật hình sự luôn có một bên là nhà nước và nhà nước xuất hiện trong quan hệ pháp luật này là để bảo vệ trật tự xã hội thông qua việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi phạm tội. Với đặc điểm như vậy nên Luật Hình sự sử dụng phương pháp quyền uy để điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự. Nội dung của phương pháp này thể hiện ở việc nhà nước sử dụng quyền lực của mình để áp dụng các biện pháp trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Người phạm tội phải phục tùng các quyết định của nhà nước mà không thể thỏa thuận hoặc mặc cả như các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự.

6.2.2. Tội phạm

6.2.2.1. Khái niệm tội phạm

- **Khái niệm tội phạm**

Trong thực tế có nhiều loại hành vi xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ khác nhau. Tùy vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà chủ thể vi phạm pháp luật có thể bị xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật là tội phạm.

Theo quy định tại Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì tội phạm được hiểu là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

- **Đặc điểm của tội phạm**

- Thứ nhất, *tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội*. Đặc điểm này cho thấy tội phạm luôn tồn tại dưới dạng hành vi, có thể là hành động hoặc không hành động. Những gì còn trong suy nghĩ, chưa biểu hiện thành hành vi cụ thể thì không được coi là tội phạm. Hơn nữa, tội phạm cũng là một dạng vi phạm pháp luật nên nó phải là hành vi xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ, tức là chứa đựng tính gây nguy hiểm cho xã hội.
- Thứ hai, *tội phạm là hành vi có lỗi*. Lỗi trong vi phạm pháp luật hình sự có thể là cố ý hoặc vô ý và là yếu tố không thể thiếu khi xác định cấu thành tội phạm. Việc xác định lỗi là để tránh tình trạng quy tội khách quan, chỉ căn cứ vào biểu hiện của hành vi mà không xét đến thái độ chủ quan của người có hành vi đó.

- Thứ ba, *tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự*. Một người chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt nếu thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự. Những hành vi này xâm phạm khách thể được luật hình sự bảo vệ như chế độ chính trị, chế độ kinh tế, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, tổ chức... Những hành vi nguy hiểm cho xã hội không được hoặc chưa được quy định trong Bộ luật Hình sự thì không bị coi là tội phạm.

6.2.2.2. Cấu thành tội phạm

Tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội cao nhất được quy định trong Bộ luật Hình sự. Giống như các vi phạm pháp luật khác, việc xác định hành vi có phải là tội phạm hay không phải dựa trên các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật. Những yếu tố này bao gồm mặt khách quan, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể.

• Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện ra bên ngoài của tội phạm, bao gồm hành vi nguy hiểm cho xã hội, hậu quả và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm với hậu quả đã xảy ra. Bên cạnh đó còn có các yếu tố biểu hiện khác như công cụ, phương tiện, thời gian, không gian, địa điểm phạm tội.

Hành vi nguy hiểm cho xã hội là yếu tố bắt buộc phải xác định khi xem xét cấu thành tội phạm, có thể tồn tại dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hành động phạm tội là hình thức của hành vi phạm tội làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho khách thể thông qua việc thực hiện những điều bị luật hình sự cấm. Chẳng hạn như hành động cố ý gây thương tích, hành động giết người, hành động mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy...

Không hành động phạm tội là hình thức của hành vi phạm tội làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động, gây thiệt hại cho khách thể thông qua việc chủ thể không thực hiện công việc theo yêu cầu của pháp luật mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện. Chẳng hạn như Điều 102 Bộ luật Hình sự quy định “*Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*”. Như vậy, việc không hành động cứu người trong trường hợp này có thể cấu thành tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng.

Bên cạnh hành vi nguy hiểm cho xã hội, trong những trường hợp nhất định còn phải xác định hậu quả mà hành vi đó đã gây ra cho xã hội. Hậu quả chính là những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế biểu hiện dưới các dạng như thiệt hại về vật chất (như tài sản bị phá hủy hoặc bị chiếm đoạt), thể chất (như tính mạng, sức khỏe bị xâm hại), tinh thần (như xâm hại danh dự, nhân phẩm)... Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp khi xác định cấu thành tội phạm đều phải xem xét hậu quả do hành vi nguy hiểm gây ra. Đối với những tội pháp luật không xác định hậu quả là một yếu tố cấu thành vi phạm thì được coi là tội phạm có cấu thành hình thức. Trong trường hợp bắt buộc phải xác định có hậu quả thực tế xảy ra thì gọi là tội phạm có cấu thành vật chất.

Trong thực tế, việc xác định những hậu quả của hành vi nguy hiểm cho xã hội có ý nghĩa như sau:

- Đối với tội có cấu thành vật chất thì hậu quả là một yếu tố bắt buộc phải xem xét để định tội.
- Đối với tội có cấu thành hình thức thì hậu quả là yếu tố có thể được xác định khi định khung hình phạt (khi khung hình phạt có quy định hậu quả là tình tiết tăng nặng) hoặc để quyết định hình phạt đối với hành vi phạm tội.

Ngoài hai yếu tố hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi gây ra, mặt khách quan của tội phạm còn bao gồm một số yếu tố khác như phương tiện, thời gian, địa điểm phạm tội. Những yếu tố này không phải là dấu hiệu bắt buộc của tất cả các cấu thành tội phạm mà chỉ yêu cầu đối với một số tội nhất định. Chẳng hạn như địa điểm phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của tội hoạt động phi được quy định tại Điều 83 Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau: *“Người nào nhằm chống chính quyền nhân dân mà hoạt động vũ trang ở vùng rừng núi, vùng biển, vùng hiểm yếu khác, giết người, cướp phá tài sản, thì bị phạt như sau: Người tổ chức, người hoạt động đắc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình; Người đồng phạm khác thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm”*. Đối với những hành vi cấu thành tội phạm có quy định dấu hiệu như vậy thì bắt buộc phải xác định khi xem xét những hành vi gây nguy hiểm cho xã hội đó có phải là tội phạm hay không.

• **Mặt chủ quan của tội phạm**

Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm các yếu tố như lỗi, mục đích, động cơ thực hiện hành vi phạm tội.

- Lỗi là trạng thái tâm lý của một người đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra. Khoa học pháp lý xác định 4 loại lỗi sau: lỗi cố ý trực tiếp, lỗi cố ý gián tiếp, lỗi vô ý do quá tự tin và lỗi vô ý do cẩu thả.



Hình minh họa

- Động cơ phạm tội là động lực bên trong thúc đẩy kẻ phạm tội thực hiện tội phạm. Mục đích phạm tội là mong muốn trong tư duy của kẻ phạm tội khi thực hiện hành vi phạm tội. Động cơ và mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc của mọi cấu thành tội phạm. Chẳng hạn như đối với những tội có lỗi vô ý hoặc cố ý gián tiếp thì yếu tố mục đích không đặt ra vì người thực hiện hành vi phạm tội không mong muốn hậu quả xảy ra do đó dấu hiệu này không cần thiết phải xác định. Tuy nhiên, trong trường hợp động cơ và mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm thì phải xác định dấu hiệu đó khi định tội.

• **Chủ thể của tội phạm**

Luật Hình sự Việt Nam hiện nay chỉ thừa nhận chủ thể của tội phạm là cá nhân. Tổ chức, pháp nhân không được coi là chủ thể của tội phạm. Tuy nhiên, cá nhân chỉ có thể trở thành chủ thể của tội phạm nếu có năng lực trách nhiệm hình sự. Năng

lực trách nhiệm hình sự được xác định dựa trên hai yếu tố độ tuổi và khả năng nhận thức.

- Về tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định như sau: “Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Khoản 3 Điều 8 Bộ luật hình sự quy định về các loại tội phạm như sau:

- *Tội phạm rất nghiêm trọng* là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù.
- *Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng* là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

- Về khả năng nhận thức, Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 1999 xác định những người mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì được coi là không có năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy, pháp luật không loại trừ những người thực hiện hành vi phạm tội khi đang say rượu hoặc say các chất kích thích mạnh khác. Những người này hoàn toàn có năng lực trách nhiệm hình sự trước khi rơi vào trạng thái say, pháp luật buộc họ phải nhận thức được rằng nếu dùng quá mức rượu hoặc các chất kích thích mạnh sẽ không thể làm chủ được hành vi của mình. Một người nhận thức được điều đó nhưng vẫn tự đưa mình vào trạng thái say thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự nếu thực hiện những hành vi phạm tội.

• Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự bảo vệ nhưng bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại. Những quan hệ xã hội này được quy định tại Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bao gồm:

- Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc.
- Chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức.
- Tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân.
- Những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Cần phân biệt khách thể của tội phạm với đối tượng tác động của tội phạm. Hành vi phạm tội có thể tác động đến các đối tượng như con người, tài sản hoặc các hoạt động của con người... Những đối tượng này là yếu tố cấu thành các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ, tức là những bộ phận cấu thành khách thể của tội phạm. Từ đó cho thấy đối tượng tác động của tội phạm là một bộ phận của khách thể của tội phạm, bị hành vi phạm tội tác động đến để gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.

6.2.2.3. Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi

Tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi là những tình tiết mà sự xuất hiện của chúng làm cho hành vi trái pháp luật hình sự bị mất tính nguy hiểm cho xã hội và do đó không bị coi là tội phạm.

Tính nguy hiểm cho xã hội là một trong những yếu tố quan trọng nhất để xác định hành vi có phải là tội phạm hay không. Trong trường hợp hành vi có dấu hiệu của tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự nhưng tính nguy hiểm của nó không có do xuất hiện những tình tiết nhất định thì hành vi đó không bị coi là tội phạm. Theo quy định của pháp luật hình sự, tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi tồn tại dưới hai hình thức phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết.

- **Phòng vệ chính đáng**

- Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ lợi ích của nhà nước, của tổ chức, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác, mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên. Với tính chất là tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi nên hành vi thực hiện trong trường hợp phòng vệ chính đáng không bị coi là tội phạm. Hành vi chỉ được coi là phòng vệ chính đáng nếu thỏa mãn các điều kiện sau:



Hình minh họa

- *Phòng vệ chính đáng xảy ra đồng thời hoặc đi liền ngay sau sự tấn công nhằm khắc phục thiệt hại do hành vi tấn công gây ra.* Nếu xảy ra trước hành vi tấn công hoặc trước khi có hành vi đe dọa tấn công ngay tức khắc thì không được coi là phòng vệ chính đáng. Nếu xảy ra sau khi hành vi tấn công đã kết thúc thì bị coi là phòng vệ quá muộn, và vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.
- *Sự chống trả trong phòng vệ phải tương xứng với sự tấn công.* Việc xác định mức độ tương xứng của hành vi chống trả với hành vi tấn công là rất phức tạp. Tuy nhiên, trong thực tế Tòa án thường dựa vào các căn cứ sau để xác định mức độ tương xứng:
 - Mức độ thiệt hại bị đe dọa gây ra
 - Sức mạnh và sự mãnh liệt của hành vi tấn công
 - Sức mạnh và khả năng chống đỡ của người phòng vệ...

Trong trường hợp hành vi chống trả không tương xứng thì gọi là vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng và người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự.

- **Tình thế cấp thiết**

Bên cạnh phòng vệ chính đáng còn có một tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi đó là tình thế cấp thiết. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh một nguy cơ đang thực tế đe dọa lợi ích của nhà nước, của tổ chức, quyền, lợi ích chính đáng của mình hoặc của người khác mà không còn cách nào

khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa. Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

- **Phân biệt tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự**

Nghiên cứu phòng vệ chính đáng và tình thế cấp thiết cần phải phân biệt với trường hợp miễn trách nhiệm hình sự.

Việc miễn trách nhiệm hình sự xảy ra trong các trường hợp sau:

- Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, nếu khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.
- Trong trường hợp trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, thì cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự.
- Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có quyết định đại xá.

6.2.3. Hình phạt

6.2.3.1. Khái niệm hình phạt

- **Định nghĩa**

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự và do Tòa án quyết định.



- **Đặc điểm**

- Thứ nhất, hình phạt là biện pháp cưỡng chế nhà nước mang tính nghiêm khắc nhất so với các loại trách nhiệm pháp lý khác. Đặc điểm này xuất phát từ lý do tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cao nhất trong số các vi phạm pháp luật.
- Thứ hai, hình phạt là biện pháp cưỡng chế được quy định trong Bộ luật Hình sự. Đặc điểm này cho thấy trong quá trình xét xử hình sự Tòa án chỉ được áp dụng các loại hình phạt đã được quy định trong Bộ luật Hình sự mà không được thay đổi hoặc bổ sung thêm loại hình phạt hoặc khung hình phạt.
- Thứ ba, chỉ Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng hình phạt đối với người có hành vi phạm tội.

6.2.3.2. Các loại hình phạt

Toàn bộ các loại hình phạt được quy định trong Luật Hình sự và sắp xếp theo thứ tự tăng dần từ nhẹ đến nặng gọi là hệ thống hình phạt. Hệ thống hình phạt bao gồm hai nhóm là hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

• **Hình phạt chính**

- Hình phạt chính là hình phạt được tuyên một cách độc lập, không phụ thuộc vào hình phạt khác. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính. Hình phạt chính bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình.

- Nhóm hình phạt chính:

- *Cảnh cáo* là sự khiển trách công khai của nhà nước do tòa án tuyên đối với người bị kết án. Đây là loại hình phạt chính nhẹ nhất nên chỉ được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.
- *Phạt tiền* là hình thức tước của người bị kết án một khoản tiền nhất định xung công quỹ nhà nước. Hình phạt này chỉ được áp dụng đối với tội phạm ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính và một số tội phạm khác theo quy định của Bộ luật Hình sự. Mức phạt tiền không được thấp hơn 1 triệu đồng.
- *Cải tạo không giam giữ* là hình phạt buộc người bị kết án phải chịu sự giám sát, giáo dục của cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương người đó thường trú đồng thời có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để xung quỹ nhà nước. Loại hình phạt này áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng và đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi thường trú rõ ràng.

Trong trường hợp người phạm tội bị kết án về nhiều tội và bị tuyên nhiều hình phạt bao gồm cải tạo không giam giữ và tù có thời hạn thì sau đó phải tổng hợp hình phạt. Nguyên tắc tổng hợp trong trường hợp này là chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ thành tù có thời hạn theo tỷ lệ một ngày tù có thời hạn bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ mà trước đó đã bị tạm giam thì áp dụng tỷ lệ quy đổi một ngày tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ.

Không phải mọi trường hợp cải tạo không giam giữ đều bị khấu trừ thu nhập mà việc có hay không sự khấu trừ phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể, do Tòa án quyết định.

- *Trục xuất* là hình phạt buộc người nước ngoài phải rời khỏi lãnh thổ Việt Nam. Như vậy, hình phạt trục xuất chỉ áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam. Khi trục xuất được sử dụng là hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung đi kèm.
- *Tù có thời hạn* là hình phạt buộc người bị kết án phải cách ly khỏi xã hội bằng cách chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định. Đây là loại hình phạt có mức độ nghiêm khắc trung bình, thể hiện tối đa được sự kết hợp giữa trừng trị với giáo dục, cải tạo nên được áp dụng đối với mọi loại tội phạm. Mức tù có thời hạn tối thiểu là 3 tháng và tối đa là 20 năm. Nếu người phạm tội trước khi kết án đã bị tạm giam thì thời gian tạm giam tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo tỷ lệ một ngày tạm giam bằng một ngày tù.

Điều cần lưu ý là nếu người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội và mỗi tội bị kết án một thời hạn tù nhất định thì sẽ tiến hành tổng hợp hình phạt bằng cách cộng các hình phạt đã tuyên thành hình phạt chung. Tuy nhiên, hình phạt chung không được vượt mức tối đa là 30 năm. Pháp luật quy định như vậy để đảm bảo rằng thời hạn tù là khoảng thời gian hợp lý để người phạm tội có thể cải tạo và tái hòa nhập được với xã hội.

- *Tù chung thân* là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.

Người bị án tù chung thân bị cách ly khỏi xã hội suốt phần đời còn lại kể từ khi bị tuyên án. Tuy nhiên, nếu người phạm tội cải tạo tốt có thể được giảm hình phạt theo quy định của pháp luật. Người được giảm hình phạt tù chung thân xuống hình phạt tù có thời hạn thì thời hạn tù được xác định là 30 năm. Việc giảm án có thể được thực hiện nhiều lần nhưng phải đảm bảo người phạm tội phải thi hành tối thiểu 20 năm tù. Việc giảm án tù chung thân xuống tù có thời hạn chỉ được xem xét khi người phạm tội đã có thời gian chấp hành hình phạt ít nhất là 12 năm. Tù chung thân là loại hình phạt nghiêm khắc thể hiện ở việc tước đoạt tự do toàn bộ phần đời còn lại của người phạm tội nên pháp luật quy định không áp dụng loại hình phạt này đối với người chưa thành niên phạm tội.

- *Tử hình* là hình phạt đặc biệt được áp dụng đối với người phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tính đặc biệt của hình phạt này thể hiện ở chỗ đây là loại hình phạt nghiêm khắc nhất vì nó tước bỏ sinh mạng của người bị kết án và chỉ được áp dụng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng loại trừ các trường hợp sau:
 - Người phạm tội là người chưa thành niên.
 - Người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội khi đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.
 - Người phạm tội bị xét xử đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Ngoài ra, có những trường hợp đã bị tuyên án tử hình nhưng không phải thi hành hình phạt đó mà chuyển thành hình phạt tù chung thân, đó là:

- Người đã bị kết án tử hình nhưng sau đó có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng.
- Người đã bị kết án tử hình nhưng được ân giảm.

• **Hình phạt bổ sung**

- Hình phạt bổ sung là hình phạt không được tuyên một cách độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo hình phạt chính. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung. Hình phạt bổ sung bao gồm: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính) và trục xuất (khi không áp dụng là hình phạt chính).
- Nhóm hình phạt bổ sung

- *Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định* là hình phạt bổ sung theo đó người phạm tội bị cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm những công việc do tòa án xác định nhằm ngăn chặn khả năng người đó tiếp tục gây nguy hại cho xã hội.

Hình phạt này được áp dụng với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Trong trường hợp hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc người bị kết án được hưởng án treo thì thời hạn này được tính từ khi bản án có hiệu lực.

- *Cấm cư trú* là hình phạt bổ sung theo đó buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú và thường trú ở một số địa phương nhất định.

Thời hạn cấm cư trú là từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Như vậy, hình phạt bổ sung này chỉ áp dụng kèm theo hình phạt tù hay còn gọi là tù có thời hạn. Thực chất của hình phạt này là hạn chế quyền tự do cư trú của người có hành vi phạm tội. Hình phạt này thường được áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và một số tội khác theo quy định của pháp luật.



Quang cảnh

Vì vậy, những nơi mà người phạm tội thường bị cấm cư trú là thành phố lớn hoặc các khu công nghiệp tập trung, khu vực biên giới, hải đảo, khu vực có cơ sở an ninh, quốc phòng hoặc có các đầu mối giao thông quan trọng.

- *Quản chế* là hình phạt bổ sung theo đó người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định, có sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương.

Hình phạt này khi được áp dụng sẽ hạn chế quyền tự do cư trú của công dân. Nếu như hình phạt cấm cư trú hạn chế quyền tự do cư trú của công dân theo hướng giới hạn địa phương không được cư trú thì hình phạt quản chế hạn chế quyền tự do cư trú theo hướng giới hạn địa phương mà người phạm tội chỉ được cư trú.

Hình phạt này thường được áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Thời hạn quản chế là từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Đồng thời với việc quản chế, người bị kết án còn bị áp dụng thêm các hình phạt bổ sung là tước một số quyền công dân và bị cấm hành nghề hoặc cấm làm một số công việc nhất định.

- *Tước một số quyền công dân* là hình phạt bổ sung được áp dụng đối với công dân Việt Nam, theo đó người bị kết án tạm thời mất một số quyền công dân trong một thời hạn nhất định.

Hình phạt bổ sung này thường áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia và một số tội phạm khác theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này người bị kết án bị tước các quyền sau:

- Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước.
- Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Trong trường hợp người bị kết án hưởng án treo thì thời hạn tước một số quyền công dân được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Tịch thu tài sản* là hình phạt bổ sung theo đó người bị kết án bị tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của mình để sung quỹ nhà nước.

Đây là hình phạt bổ sung chỉ được áp dụng đối với các tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của pháp luật. Khi áp dụng hình phạt bổ sung này cần lưu ý là phải để lại một lượng tài sản tối thiểu nhất định cho người bị kết án và gia đình họ đảm bảo điều kiện sinh sống.

- *Phạt tiền và trục xuất (khi không áp dụng là hình phạt chính)*. Đây là hai loại hình phạt vừa có thể được áp dụng là hình phạt chính vừa có thể áp dụng là hình phạt bổ sung. Trong trường hợp là hình phạt chính thì không được đồng thời áp dụng với tư cách là hình phạt bổ sung.
- Trục xuất là hình phạt chỉ được áp dụng đối với người nước ngoài. Với tư cách là hình phạt bổ sung, phạt tiền thường được áp dụng đối với các tội về tham nhũng, ma túy và một số tội khác theo quy định của pháp luật.

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

Bài này gồm 2 phần với những nội dung nghiên cứu cụ thể như sau:

- **Phần thứ nhất** của bài nghiên cứu về Luật Hành chính. Đây là một trong những ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam với đối tượng điều chỉnh là những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và sử dụng phương pháp mệnh lệnh quyền uy để điều chỉnh những quan hệ ấy. Bài này cũng tập trung nghiên cứu một trong những chế định quan trọng nhất của ngành luật này đó là vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.

Vi phạm hành chính là một dạng của vi phạm pháp luật nên cũng có đầy đủ bốn yếu tố cấu thành. Mặt khách quan của vi phạm hành chính đòi hỏi phải xác định được có hành vi vi phạm quy định về quản lý nhà nước. Trong một số trường hợp, pháp luật còn yêu cầu phải xác định thiệt hại thực tế và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế. Đối với mặt chủ quan, yếu tố quan trọng nhất cần phải xác định là lỗi của chủ thể. Vi phạm hành chính có thể được thực hiện bởi cả hai loại lỗi là cố ý hoặc vô ý. Bên cạnh lỗi, có trường hợp còn phải xác định thêm yếu tố mục đích, động cơ thực hiện hành vi vi phạm. Chủ thể của vi phạm hành chính có thể là tổ chức hoặc cá nhân có năng lực chịu trách nhiệm hành chính. Đối với cá nhân từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi hành vi vi phạm, cá nhân từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chịu trách nhiệm hành chính về những vi phạm do lỗi cố ý. Khách thể của vi phạm hành chính là trật tự quản lý hành chính nhà nước được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Chủ thể vi phạm hành chính sẽ bị truy cứu trách nhiệm hành chính, tức là bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, bao gồm xử phạt hành chính và các biện pháp xử lý khác. Có hai hình thức xử phạt hành chính bao gồm hình thức xử phạt chính (cảnh cáo, phạt tiền và trục xuất) và hình thức xử phạt bổ sung (tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề và tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính). Các biện pháp xử lý hành chính khác bao gồm giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở chữa bệnh và đưa vào cơ sở giáo dục.

- **Phần thứ hai** của bài nghiên cứu về Luật Hình sự. Với tư cách là một ngành luật độc lập, Luật Hình sự sử dụng phương pháp quyền uy để điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội khi người này thực hiện một tội phạm. Bài này nghiên cứu hai chế định của Luật Hình sự là tội phạm và hình phạt. Tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật có tính nguy hiểm cho xã hội cao nhất, được quy định trong Bộ luật Hình sự. Khi xác định cấu thành tội phạm cũng đòi hỏi phải xác định được bốn yếu tố, trong đó mặt khách quan cần phải xác định được có hay không có hành vi nguy hiểm cho xã hội và có thể còn phải xác định hậu quả cũng như mối quan hệ giữa hành vi và hậu quả đó. Hành vi phạm tội có thể được chủ thể thực hiện với lỗi cố ý hoặc vô ý. Tuy nhiên, chủ thể của tội phạm chỉ là cá nhân, pháp luật hình sự Việt Nam chưa thừa nhận tổ chức là chủ thể của tội phạm. Hơn nữa, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của cá nhân được quy định theo hướng người từ đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng. Về khách thể, tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm hại các quan hệ được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Người phạm tội phải chịu hình phạt. Có hai loại hình phạt là hình phạt chính (bao gồm cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân và tử hình) và hình phạt bổ sung (bao gồm cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền và trục xuất).

CÂU HỎI THƯỜNG GẶP

1. Doanh nghiệp không kê khai và nộp thuế đầy đủ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn thuế không?
2. Tội phạm có phải là hành vi vi phạm pháp luật không?
3. Án treo có phải là hình phạt hay không?
4. Những chủ thể nào khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng không bị áp dụng hình phạt tử hình?
5. Do đi vội, nên xe gắn máy của anh B. va vào xe con tôi và cả hai cùng ngã. Không xin lỗi mà anh B. còn có thái độ hung hăng. Hai bên cự cãi và anh B. đánh vào mặt con tôi. Con tôi chạy để tránh, nhưng anh B. đuổi theo đánh tiếp.
Để tự vệ, con tôi chạy vào quán nước bên đường, thấy được con dao nên đã cầm và đâm vào bụng anh B. Tỷ lệ thương tật của anh B. là 40% và hiện con tôi đã bị tạm giam. Xin cho biết con tôi phải chịu mức hình phạt gì?

CÂU HỎI CUỐI BÀI

1. Phân tích các yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật hành chính?
2. Trình bày các hình thức xử phạt vi phạm hành chính?
3. Phân tích khái niệm tội phạm và các yếu tố cấu thành tội phạm?
4. Phân tích mục đích của hình phạt?
5. Phân tích các ưu điểm của án treo?